

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
“V/v Tranh chấp hợp
đồng dân sự - hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị M

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phú H

Ông Nguyễn Đình Đoàn H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-DS ngày 10/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D.

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D là ông Lưu Văn H; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 56, đường Nguyễn Huệ, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn H là ông Bùi Minh Th.

Bị đơn: Lê Thị Kim N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 26, Khóm 3, Phường E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Th có mặt tại phiên tòa, bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/7/2018 bà Lê Thị Kim N có vay tín chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần S theo hợp đồng tín dụng số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018, bà N đã nhận nợ vay là 40.000.000 đồng.

- Dư nợ tính đến ngày 26/7/2022 là 10.566.200 đồng.

- Lãi trong hạn tính từ ngày 04/9/2018 đến ngày 26/7/2022 (47 tháng, 04 ngày) với mức lãi 2,2%/tháng, số tiền là 11.010.685 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 05/9/2018 đến ngày 26/7/2022 (47 tháng, 03 ngày) với mức lãi 3,3%/tháng, số tiền là 5.501.468 đồng.

- Lãi phạt tính từ ngày 05/9/2018 đến ngày 26/7/2022 (47 tháng, 03 ngày) với mức tính 10% tổng số tiền lãi quá hạn, số tiền là 550.147 đồng.

Đến ngày 28/6/2018 bà Lê Thị Kim N có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 33 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đồng Tháp cụ thể:

- Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng.

- Dư nợ tính đến ngày 26/7/2022, số tiền là 8.280.583 đồng.

- Lãi suất vay: 2,5%/tháng.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Lê Thị Kim N trả số tiền nợ gốc là 18.846.783 đồng. Lãi trong hạn 11.010.685 đồng; Lãi quá hạn, lãi phạt là 6.051.615 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 27/7/2022 đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018, các phụ lục hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 33 ký ngày 28/6/2018.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc là 10.566.200 đồng đối với hợp đồng tín chấp số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 09/4/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 26,4% là 13.149.284 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/5/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 3,3%/tháng là 6.570.766 đồng; Lãi

phạt tính từ ngày 09/5/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 10%/tổng số tiền quá hạn là 657.077 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 30.943.327 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 33 ký ngày 28/6/2018 trả số tiền nợ gốc là 8.280.583 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 22/8/2022 đến ngày 28/4/2023, mức lãi 2,5%/tháng, số tiền lãi là 2.777.844 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 11.058.427 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án.

Bị đơn Lê Thị Kim N: Trong quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Bảng kê tính lãi, phí thế tín dụng (Bản chính); Bản tính tiền lãi vay khách hàng; Giấy đề nghị cấp thế tín dụng kèm hợp đồng (Bản photo đã đối chiếu); Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (Bản photo đã đối chiếu); Phụ lục các điều khoản chung (Bản sao đã đối chiếu); Sổ hộ khẩu của Lê Thị Kim N (Bản photo đã đối chiếu); Giấy chứng minh nhân dân Lê Thị Kim N (Bản photo đã đối chiếu);

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.*

** Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phường E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Kim N đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vay của hai hợp đồng tín chấp số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018 và hợp đồng tín dụng số 33 ký ngày 28/6/2018.

Cụ thể, yêu cầu bà Lê Thị Kim N trả số tiền còn nợ của thẻ vay tín chấp trả số tiền nợ gốc là 10.566.200 đồng đối với hợp đồng tín chấp số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 09/4/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 26,4% là 13.149.284 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/5/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 3,3%/tháng là 6.570.766 đồng; Lãi phạt tính từ ngày 09/5/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 10%/tổng số tiền quá hạn là 657.077 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 30.943.327 đồng.

Đối với thẻ tín dụng số tiền nợ gốc là 8.280.583 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 22/8/2022 đến ngày 28/4/2023, mức lãi 2,5%/tháng, số tiền lãi là 2.777.844 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 11.058.427 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19/6/2018 và hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ ngày 24/7/2018 thể hiện bà Lê Thị Kim N có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần S và hiện nay chưa trả khoản tiền vay như yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kim N trả số tiền còn nợ của thẻ tín chấp là 30.943.327 đồng và thẻ tín dụng số tiền là 11.058.427 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Lê Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S còn nợ của thẻ tín chấp là 30.943.327 đồng và thẻ tín dụng số tiền là 11.058.427 đồng là có căn cứ.

Trong đó: Nợ gốc thẻ tín chấp là 10.566.200 đồng đối với hợp đồng tín chấp số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 09/4/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 26,4% là 13.149.284 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/5/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 3,3%/tháng là 6.570.766 đồng; Lãi phạt tính từ ngày 09/5/2018 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi 10%/tổng số tiền quá hạn là 657.077 đồng. Thẻ tín dụng là 8.280.583 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 22/8/2022 đến ngày 28/4/2023, mức lãi 2,5%/tháng, số

tiền lãi là 2.777.844 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Kim N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi của thẻ tín chấp là 30.943.327 và thẻ tín dụng là 11.058.427 đồng, tổng cộng 42.001.755 đồng theo hợp đồng tín chấp số 00501-01194 ký ngày 24/7/2018 và hợp đồng tín dụng số 33 ký ngày 28/6/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/4/2023, bà Lê Thị Kim N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì lãi suất mà bà Lê Thị Kim N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim N phải chịu 2.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 898.000 đồng theo biên lai số 0011810 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**